

TẦM QUAN TRỌNG CỦA DỰ BÁO THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Vai trò của dự báo thu ngân sách Nhà nước

Dự toán ngân sách Nhà nước được lập trên cơ sở nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới, cùng với các nhiệm vụ cụ thể của các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương. Bên cạnh đó, dự toán ngân sách Nhà nước phải tổng hợp theo từng khoản thu, chi và theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ và viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Để thực hiện đúng dự toán ngân sách Nhà nước theo kế hoạch thu chi ngân sách hàng năm, 3 năm và 5 năm thì việc dự báo thu ngân sách đóng vai trò quan trọng. Cũng giống như dự báo và phân tích cầu tại khu vực tư nhân đóng vai trò hết sức quan trọng do doanh số là chỉ tiêu đảm bảo sức khoẻ tài chính của doanh nghiệp, nguồn thu đầy đủ và có thể tiên liệu từ thuế và ngoài thuế là cơ sở để đảm bảo sự ổn định và bền vững về tài chính cho chính phủ. Dự báo thu còn có tầm quan trọng hơn nữa trong lập ngân sách ở khu vực công trong trường hợp chính phủ chuyển từ điều hành ngân sách trên cơ sở tiền mặt sang ngân sách trung hạn do các chính sách tài khoá được thiết kế và triển khai ngày càng chú trọng đến những hạn mức trung hạn và việc dự toán cho các cam kết tài chính trung hạn (ví dụ, cam kết đối với chính quyền địa phương trong bối cảnh phân cấp tài khoá và đối với các đối tác khu vực tư nhân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ công) ngày càng trở nên quan trọng. Một lý do nữa khiến cho dự báo thu ngày càng phức tạp là do chính phủ đang chuyển sang hạch toán cả chỉ tiêu thuế và dự toán cho các khoản đó trong trung hạn.

Dự báo thu nhằm đảm bảo ba mục tiêu ngân sách khác biệt nhưng liên quan đến nhau. Thứ nhất là đảm bảo cho yêu cầu lập ngân sách trung hạn; thứ hai là đảm bảo quản lý ngân quỹ ngắn hạn trong phạm vi năm tài chính; và thứ ba là đảm bảo dự báo chi tiêu thuế.

1.1. Dự báo thu ngắn hạn

Dự báo thu ngắn hạn trong phạm vi một năm tài khoá trên cơ sở hàng quý, hàng tháng hoặc/và hàng tuần là đầu vào cơ bản để quản lý ngân quỹ tại kho bạc. Xu hướng mùa vụ khi tổ chức thu cần được đối chiếu so sánh với kế

hoạch giải ngân ngân sách để hỗ trợ cho các đơn vị chi tiêu trong năm tài khoa và nhu cầu huy động ngân sách để bù đắp thiếu hụt thu tạm thời. Xu hướng tổ chức thu theo mùa vụ dự kiến cho từng sắc thuế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát kết quả thu theo chỉ tiêu trong năm tài khoá.

Theo Luật ngân sách Nhà nước năm 2015, dự báo thu ngân sách phụ thuộc vào các khoản dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm trên cơ sở phải tổng hợp theo từng khoản thu, chi và theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ và viện trợ, cho bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Thông tin liên quan đến dự báo ngân sách thường phụ thuộc vào tổ chức điều hành ngân sách Nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân. Tùy vào nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan, đơn vị có quyền đề ra những biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ thu chi ngân sách được giao, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính và sử dụng kinh phí ngân sách đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.

1.2. Dự báo thu trung hạn

Theo Luật ngân sách Nhà nước năm 2015, thì dự toán ngân sách Nhà nước lập trên cơ sở nhiệm vụ kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới cũng như các nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính ngân sách Nhà nước 03 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách Nhà nước và tình hình thực hiện ngân sách Nhà nước năm trước. Chính vì vậy, dự báo thu là yếu tố cần thiết để lập ngân sách trung hạn với tầm nhìn từ ba đến năm năm, bao gồm cả dự báo chi tiết cho năm tài chính sắp tới.

Một số chính phủ có thể kéo dài hơn nữa kỳ kế hoạch ngân sách của họ (10 đến 20 năm), nhất là tại những quốc gia có các cam kết về an sinh xã hội phụ thuộc nhiều vào sự thay đổi của tình trạng dân số đòi hỏi phải lập kế hoạch tài khoá dài hạn. Dự báo thu đúng đắn là cần thiết để đảm bảo nguồn vốn bền vững cho các chương trình và dự án của chính phủ, đồng thời tránh phát sinh bội chi hoặc thâm hụt tài khoa ngoài dự kiến và thậm chí có thể là thiếu bền vững về lâu dài. Dự báo thu còn đặc biệt quan trọng trong việc quyết định về ngân sách chi đầu tư cho cơ sở hạ tầng và các cơ sở khác sử dụng nguồn vốn của khu vực

công trong tương lai, trong điều kiện có sự cạnh tranh mạnh mẽ về nguồn lực từ các chương trình khác. Trường hợp, chi hoạt động và duy tu bảo dưỡng cho các dự án và chương trình mới phụ thuộc vào nguồn vốn của chính phủ, dự báo tăng trưởng thu nhằm duy trì tính bền vững của các khoản chi tiêu tăng lên trong tương lai đó đóng vai trò hết sức quan trọng khi thẩm định về khả năng bền vững tài chính của dự án làm cơ sở cho các dịch vụ và lợi ích kinh tế cho thế hệ tương lai. Ngoài những chức năng lập ngân sách cơ bản, dự báo thu còn có vai trò kinh tế vĩ mô thiết yếu vì đó là yếu tố chính phủ tạo tích lũy cho nền kinh tế để góp phần đảm bảo vốn cho đầu tư và tăng trưởng. Tại các quốc gia phụ thuộc vào viện trợ, ngoài nhu cầu dự báo về viện trợ nước ngoài như là một nội dung thu, dự báo tăng thu trong nước cũng là cơ sở để lập kế hoạch thay thế viện trợ về lâu dài.

Một khía cạnh quan trọng nữa là mối quan hệ giữa dự báo thu với cách thức thực hiện ngăn ngừa tình trạng bất ổn định ngân sách trung hạn và ngắn hạn. Theo Frankel (2011) sự lạc quan mang tính hệ thống trong dự báo ngân sách ở 33 quốc gia, chủ yếu là những nước có thu nhập trung bình và thu nhập cao tăng lên cùng với thời gian dự báo và cao hơn trong các giai đoạn kinh tế xã hội phát triển. Đây là dấu hiệu lạc quan về thu và áp lực chính trị để có thể chi tiêu bằng hoặc vượt dự toán có xu hướng khiến cho thâm hụt cao hơn mức đề ra. Vượt chi hoặc chi tiêu thuận chu kỳ vào những thời kỳ bùng phát cũng góp phần gây ra thâm hụt tài khoá mang tính cơ cấu. Chính sách thu và chiến lược dự báo cần có sự phối hợp với các chiến lược quản lý ngân sách để cân nhắc về khả năng biến động thu và chi trong ngắn hạn và trung hạn. Mặc dù nguồn thu đa dạng phong phú có thể cải thiện và ổn định số thu, các lỗi và biến động dự báo thu, cũng như những cú sốc và thiếu kỷ luật chi tiêu dễ dẫn đến nhu cầu phải có các cơ chế ổn định ngân sách. Các cơ chế này có thể là cơ chế ổn định dương hoặc ổn định âm. Cơ chế ổn định dương bao gồm trích lập dự phòng và các quỹ dự trữ để chuẩn bị cho những biến động cụ thể hoặc biến động chung. Các cơ chế ổn định âm bao gồm:

Thứ nhất, chuẩn bị các dòng tín dụng ngắn hạn hoặc tạo khả năng vay nợ

Thứ hai, hoàn trả hoặc duy trì nợ dài hạn ở mức thấp để chuẩn bị cho khả năng huy động trên thị trường vốn với lãi suất thấp khi cần thiết,

Thứ ba, không đẩy năng lực thu thuế của quốc gia tới mức giới hạn để có thể tăng thu từ thuế nếu cần. Nếu không có các cơ chế đó, các chuyên gia dự báo thu có xu hướng đưa ra các ước tính bảo thủ hơn so với mong đợi và ngân sách chi có xu hướng thuận chu kỳ kinh tế hơn là tuân theo xu hướng tăng trưởng dài hạn hoặc/và các nhà quản lý thuế sẽ phải giải quyết thiếu hụt bằng cách kéo dài thời hạn hoàn thuế và có khả năng cưỡng chế nộp thuế bổ sung từ những đối tượng nộp thuế lớn.

1.3. Dự báo chi tiêu ngân sách

Trong 20 năm ở Việt Nam hệ thống tài chính công đã trải qua quá trình cải cách mạnh mẽ, cho phép Chính phủ chi tiêu để cung cấp dịch vụ công, đặc biệt ở các vùng khó khăn. Thông qua việc phân bổ ngân sách cho các chương trình phát triển xã hội, Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ về giảm nghèo. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức về quản lý ngân sách như bội chi ngân sách và nợ công đang ở mức cao, mức công khai sai phạm và sự tham gia trong quản lý ngân sách Nhà nước ở Việt Nam còn nhiều hạn chế nên việc dự báo chi tiêu ngân sách là yêu cầu cần thiết cho các nhà hoạch định chính sách.

Việc dự báo chi tiêu ngân sách đã được các quốc gia OECD áp dụng trong hoạch toán chi tiêu ngân sách từ những năm 70 của thế kỷ XX và ngày càng nhiều nền kinh tế mới nổi đã bắt đầu hạch toán nội dung này. Tuy tất cả các quốc gia đều sử dụng ước tính về chi tiêu thuế làm đầu vào để hoạch định chính sách thuế, nhưng hiện đang nổi lên xu hướng là đưa chi tiêu thuế vào ngân sách một cách rõ ràng. Điều này đặt ra yêu cầu cao đối với chính phủ là phải xây dựng năng lực phân tích thuế và dự báo thu tiên tiến nhằm thực hiện và hỗ trợ cho nỗ lực này.

2. Tổ chức dự báo thu

Việc dự báo thu và xác định chỉ tiêu thu thành công trong chính phủ đòi hỏi phải phân công vai trò và phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị liên quan trong tổ chức: Bộ Tài chính và các bộ ngành khác liên quan đến lập kế hoạch kinh tế vĩ mô như ngân hàng trung ương, tổng cục thống kê quốc gia, Bộ kế hoạch và đầu tư....

Bộ Tài chính thường chịu trách nhiệm chính về chính sách thuế, dự báo thu và xác định chỉ tiêu thu trong bối cảnh lập kế hoạch ngân sách và kinh tế vĩ mô, bao gồm cả lập kế hoạch về nợ và quỹ dự trữ. Bộ cũng chịu trách nhiệm về kế toán và chính sách chi tiêu thuế. Ngoài ra, Bộ còn giám sát và đánh giá kết quả quản lý thuế, hiệu suất và hiệu quả của chính sách thuế.

Trách nhiệm chính của Tổng cục thuế là quản lý các luật thuế và thực hiện các mục tiêu thuế của mình. Tổng cục thuế cũng là nơi ấn định thuế ở cấp độ vĩ mô, tổ chức thu, là nguồn thông tin quản lý và tuân thủ và thông tin thương mại do cơ quan hải quan thu thập. Trong nội bộ, Tổng cục thuế phải quản lý và giám sát việc tổ chức thu, bao gồm xác định các chỉ tiêu về tuân thủ của đối tượng nộp thuế và thực thi hiệu lực thuế trong chương trình quản lý rủi ro tuân thủ của họ. Công tác lập kế hoạch và quản lý các chương trình đó cũng phụ thuộc vào hoạt động thu thập, phân tích và theo dõi dữ liệu chi tiết về đối tượng nộp thuế.

Các cơ quan thống kê và quản lý kinh tế khác là những bên đóng góp chính cho hoạt động phân tích và dự báo thu; họ là nguồn cung cấp dữ liệu kinh tế, mô hình, kế hoạch và dự báo kinh tế vĩ mô. Mặc dù ngân hàng trung ương đóng vai trò là ngân hàng cho chính phủ, nhưng nó cũng là nguồn thông tin chính về tồn ngân tiền nộp thuế do kho bạc gửi để giải ngân cho các chương trình chi tiêu ngân sách. Những dữ liệu này là hữu ích để kiểm tra chéo với các báo cáo thu của cơ quan thuế.

Bộ Tài chính phải quản lý việc phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan. Đó là điều thiết yếu để đảm bảo dự báo và xác định mục tiêu một cách tin cậy. Điều quan trọng nữa là Bộ Tài chính và Tổng cục thuế phải chia sẻ dữ liệu, mô hình thuế và các giả định chính được sử dụng trong lập dự báo và xác định chỉ tiêu sao cho Bộ Tài chính có đầy đủ thông tin nhằm xác định chỉ tiêu cuối cùng, còn Tổng cục thuế sẵn sàng nhận trách nhiệm tổ chức thu theo đúng chỉ tiêu được giao, và cả hai bên đều có thể hiểu được nguyên nhân gây ra khác biệt nếu có giữa kết quả và chỉ tiêu thu. Tuy nhiên, trong thực tế, có nhiều nguyên nhân gây thất bại về dự báo thu.

Thứ nhất, tổng cục thuế không thu thập được dữ liệu cần thiết để phân tích và dự báo thuế do những yếu kém trong thiết kế mẫu biểu thuế, hoặc tính

chất của thủ tục thu không xác định được các yếu tố chính gây ra nghĩa vụ thuế hoặc Tổng cục thuế không thiết lập được Cơ sở dữ liệu thuế đầy đủ.

Thứ hai, việc truy cập và chia sẻ dữ liệu gặp phải các vấn đề về kiểm soát pháp lý hoặc/và quan liêu hành chính. Chẳng hạn, các văn bản pháp luật của Bộ trưởng Tài chính không cho phép cán bộ của Bộ được tiếp cận dữ liệu hành chính cho các luật thuế thuộc trách nhiệm của họ. Ngược lại, Tổng cục thuế có thể không chia sẻ hoặc/và từ chối chia sẻ các chi tiết quan trọng về thuế với Bộ Tài chính, hoặc Bộ Tài chính không yêu cầu dữ liệu, và do đó Tổng cục thuế không thu thập dữ liệu vì không được yêu cầu.

Thứ ba, Bộ Tài chính không thực hiện phân tích hoặc dự báo dựa trên bằng chứng và chia sẻ các mô hình và giả định đó với Tổng cục thuế và các cơ quan quan trọng khác. Nếu các chỉ tiêu không nhất quán với các dự báo kinh tế vĩ mô hoặc nếu các dự báo thu được lập trên cơ sở các dự báo vĩ mô quá lạc quan, Tổng cục thuế phải đối mặt với các chỉ tiêu không hợp lý, dẫn đến việc cơ quan này phải giữ lại các khoản hoàn thuế hoặc đàm phán để những đối tượng nộp thuế lớn phải nộp dư ra qua các chiến thuật gây áp lực. Về lâu dài, mức độ tuân thủ của đối tượng nộp thuế thường sẽ giảm đi qua các chiến lược quản lý thuế kiểu đó và làm trầm trọng hơn kết quả thu so với chỉ tiêu.

Nhìn chung, công tác dự báo thu đang chuyển sang một giai đoạn đầy hấp dẫn trong lịch sử. Do sự phát triển vũ bão của các hệ thống thông tin và chính phủ điện tử, những khó khăn chính do thiếu dữ liệu chi tiết về thuế để phục vụ phân tích và dự báo thu từ thuế hiện nay đã dần được giải toả.

TTBD DBDC
Tin học hoá đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập các cơ sở dữ liệu thuế, chia sẻ, phân tích và thu thập dữ liệu thuế, nhưng các mạng tin học nội bộ trong Tổng cục thuế và Bộ Tài chính thường phải chịu những hạn chế về khối lượng và chất lượng dữ liệu thuế được nhập liệu vào hệ thống. Ngoài những đối tượng nộp thuế đang chuyển dữ liệu tờ khai thuế điện tử cho Tổng cục thuế, những thông tin còn lại phải được nhập liệu từ dữ liệu nằm trên các tờ khai của đối tượng nộp thuế. Những dữ liệu đó bị hạn chế bởi lỗi số học và các lỗi khác trên tờ khai; hạn chế trong việc lựa chọn các trường dữ liệu cần nhập liệu vào hệ thống máy tính; cách lấy mẫu tờ khai hoặc các trường để thu thập dữ liệu và lỗi khi đánh máy nhập dữ liệu. Tờ khai điện tử và kê khai điện tử làm giảm thiểu

những hạn chế đó. Dữ liệu trên tờ khai thuế có sự nhất quán nội bộ, các lỗi chính do phải nhập lại dữ liệu không còn nữa, và bộ thông tin đầy đủ trên tờ khai thuế được đưa vào hệ thống trong phạm vi mức độ kê khai điện tử. Các tờ khai thuế cũng trở nên đầy đủ hơn, do đối tượng nộp thuế được giảm gánh nặng tuân thủ khi kê khai đầy đủ. Tờ khai điện tử còn chứa đựng những thông tin giáo dục và hỗ trợ, đồng thời sử dụng các phương pháp khai thác thông tin nhân tạo để hỗ trợ đối tượng nộp thuế hoàn thành tờ khai qua các thuật toán và phương pháp kiểm tra số học có sẵn trên hệ thống. Cuối cùng, việc nắm bắt dữ liệu tờ khai thuế đầy đủ hơn và chi tiết hơn cho phép chính phủ thiết lập và sử dụng các mô hình vi mô để phân tích thuế, ước tính chi tiêu thuế và dự báo thu.

Đối với các quốc gia mới nổi và đang phát triển, công nghệ thông tin và mạng Internet là những cơ hội đầy khả thi quan trọng để tăng cường xây dựng và cung cấp các cơ sở dữ liệu mô hình hoá chi tiết hơn về thuế để Bộ Tài chính và Tổng cục thuế sử dụng chung trong dự báo thuế. Thường thì chính những quốc gia có chênh lệch lớn phát sinh giữa nghĩa vụ thuế và số thu nộp do quản lý nợ đọng và hoàn thuế không ổn định và yếu kém mới khiến cho việc dự báo thu trở nên phức tạp hơn như mô tả ở trên. Điều này càng cho thấy tầm quan trọng của thông tin chi tiết về nghĩa vụ thuế và số thu nộp nhằm phục vụ dự báo thu chính xác. Do vậy, cần ưu tiên phát triển các hệ thống xây dựng, duy trì và sử dụng các cơ sở dữ liệu thuế. Điều hành điện tử là một lộ trình phù hợp để thực hiện các ưu tiên trên nhằm hỗ trợ tăng cường phân tích thuế và dự báo thu.

Chính phủ có lợi ích căn bản trong việc tìm hiểu kết quả thu vì họ cần phải có thông tin chính xác trong dự báo thu để xác định có đủ nguồn đảm bảo cung cấp dịch vụ công một cách liên tục và ổn định theo thời gian hay không. Nếu dịch vụ công là một hàng hoá thông thường thì nhu cầu dịch vụ công cũng tăng trưởng với cùng tốc độ hoặc nhanh hơn so với tăng trưởng kinh tế. Chẳng hạn, nếu nhu cầu an sinh xã hội ngày càng tăng, tốc độ tăng thu phải cao hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Hai chỉ tiêu cơ bản về hiệu quả thu đối với một nguồn thu cụ thể hoặc các nguồn thu trong nước kết hợp của chính phủ là tốc độ tăng thu và độ co giãn của thu.

Tốc độ tăng thu là một chỉ tiêu đơn giản về tốc độ tăng trưởng của số thu thực tế trong một số năm tương đương với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế

trong cùng kỳ, thường được đo lường bằng tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Cần dự báo tốc độ tăng thu thông qua tỷ lệ tổng số thu nộp so với nền kinh tế đang tăng lên, giảm đi hay vẫn ổn định tương đương với chỉ tiêu tốc độ tăng thu lần lượt là lớn hơn, thấp hơn hay bằng 1. Tốc độ tăng thu phản ánh tác động kết hợp của toàn bộ những thay đổi về hiệu quả tổ chức thu diễn ra trong giai đoạn quan sát - hiệu quả hành thu có thể bị tác động bởi những thay đổi trong tất cả các yếu tố quyết định đến kết quả thu.

Độ co giãn của thu là một chỉ tiêu hạn chế hơn nhưng hữu dụng hơn khi dự báo thu. Chỉ tiêu này giả định rằng tăng thu phát sinh mà không có thay đổi gì về chính sách thuế hoặc cơ cấu thuế danh nghĩa trong giai đoạn thời gian quan sát. Đây là một chỉ tiêu hữu ích hơn về kết quả thu vì đó là điểm khởi đầu cho hoạt động lập ngân sách. Nó giúp trả lời câu hỏi tại sao thu dự kiến sẽ tăng lên trong tương lai khi nền kinh tế tăng trưởng mà không cần thay đổi về cơ cấu thuế hiện tại. Nếu độ co giãn của thu thấp hơn 1, điều đó có nghĩa là tỷ trọng thu so với nền kinh tế dự kiến sẽ giảm và cần phải thay đổi về chính sách thu nếu chính phủ muốn duy trì tỷ lệ chi tiêu trong nền kinh tế. Việc đo lường độ co giãn của hệ thống thuế, có thể là điều cần thiết nhằm phân tích diễn biến thu trong quá khứ, đòi hỏi phải điều chỉnh số thu trong quá khứ để chuẩn hoá số liệu hành thu theo cùng một cơ cấu thuế không đổi. Tuy nhiên, để phục vụ mục đích dự báo thu, cơ cấu thuế hiện tại là điểm khởi đầu thường áp dụng.

Có một số khó khăn quan trọng cần ghi nhận liên quan đến dự báo chỉ tiêu độ co giãn thu. Thứ nhất, chính sách thuế danh nghĩa không đổi có thể bao gồm cả các cơ cấu thuế theo chỉ số hoặc không theo chỉ số lạm phát. Thiếu chỉ số lạm phát có thể gây ra thay đổi về thuế suất hiệu quả trong điều kiện có lạm phát, cho nên ngay cả khi không có tăng trưởng kinh tế thực, nhưng có lạm phát, những đặc điểm của hệ thống thuế có thể đem lại kết quả tỷ trọng thuế tăng lên hay giảm đi. Nói cách khác, cơ cấu thuế không đổi có thể dẫn đến thuế suất hiệu quả thay đổi theo thời gian khiến cho chỉ tiêu độ co giãn về thu có thể không được thể hiện chính xác, trong đó thuế suất hiệu quả có thể là một hàm liên quan đến tốc độ lạm phát. Chẳng hạn, thuế tiêu thụ đặc biệt không theo chỉ số lạm phát làm giảm thuế suất hiệu quả khi lạm phát tăng lên, trong khi đó thuế thu nhập cá nhân có thuế suất biên tăng lên, nhưng giỏ thuế không theo chỉ số lạm

phát lại có thuế suất hiệu quả tăng lên nếu tốc độ lạm phát tăng lên. Thứ hai, việc đo lường độ co giãn về thu chỉ nhìn vào mối quan hệ giữa tăng trưởng thực thu từ thuế và tăng trưởng kinh tế thực chứ không nhìn vào các yếu tố khác cũng có thể đem lại thay đổi về cơ sở thu như thay đổi giá cả tương đối và thay đổi về tuân thủ thuế và quản lý thuế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Dũng, UVTVTU, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị- Quản lý đầu tư công hiệu quả - Từ thực tiễn đến khuyến nghị chính sách.
2. Nghị quyết 07 ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về tái cơ cấu ngân sách Nhà nước.
3. Nguyễn Đức Thành, Vũ Sỹ Cường, Hoàng Thị Chinh Thon, Viện nghiên cứu kinh tế và chính sách (VEPR), Liên minh minh bạch ngân sách, mức độ công bằng thuế: đánh giá cho Việt Nam năm 2017.
4. Nguyễn Đức Thành, Viện nghiên cứu kinh tế và chính sách (VEPR), Liên minh công bằng thuế Việt Nam: đánh giá tác động của tăng thuế giá trị gia tăng đến tổng thể nền kinh tế và phúc lợi hộ gia đình.
5. Oxfam (2016) đánh giá chính sách ưu đãi thuế tại Việt Nam. https://cng-cdn.oxfam.org/vietnam.oxfam.org/s3fs-public/file_attachments/Oxfam%20Tax%20incentive%20report%20VIE.pdf
6. Thanh tra Bộ tài chính (2017), đã có 99,81% số doanh nghiệp thực hiện khai thuế qua mạng, http://thanhtra.com.vn/kinh-te/tai-chinh-ngan-hang/9981-so-doanh-nghiep-thuc-hien-khai-thue-qua-mang_t114c1068n126222.
7. Nguyễn Việt Cường (2018), Ảnh hưởng của thuế giá trị gia tăng lên phúc lợi và nghèo đói tại Việt Nam, Đánh giá tác động của tăng thuế giá trị gia tăng, VEPR, 2018, sẽ được xuất bản sau báo cáo này.
8. Un Women (2016). Báo cáo tham luận bình đẳng giới và thuế ở Việt Nam các vấn đề đặt ra và khuyến nghị, http://www.un.org.vn/vi/publications/doc_details/532-bao-cau-tham-lun-binh-dng-gii-va-thu--vit-nam-cac-vn-d-dt-ra-va-khuyn-ngh.html